



Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

VIỆT NAM

Quỹ Đối tác Các bon trong Lâm nghiệp (FCPF)

Quỹ Các bon

**Dự thảo KHUNG TIẾN TRÌNH
ĐỀ ÁN GIẢM PHÁT THẢI VÀ CHUYỂN QUYỀN
GIẢM PHÁT THẢI VÙNG BẮC TRUNG BỘ
GIAI ĐOẠN 2018-2025**

Tháng 01 năm 2019

Mục lục

1	TỔNG QUAN	4
1.1	MỤC ĐÍCH VÀ CÁC NGUYÊN TẮC	4
1.2	KHUNG PHÁP LÝ VIỆT NAM	4
2	TÁC ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH	7
3	TÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CỦA NHÓM MỤC TIÊU	8
4	PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN SINH KẾ	9
4.1	CƠ CHẾ CHIA SẼ LỢI ÍCH.....	9
4.2	TIẾN TRÌNH CÓ SỰ THAM GIA.....	10
4.3	SINH KẾ THAY THẾ KHÁC	10
5	TỔ CHỨC THỰC HIỆN	11
5.1	CẤP TRUNG ƯƠNG	12
5.2	CẤP TỈNH	12
6	CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI	12
6.1	CƠ CHẾ PHẢN HỒI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI	12
6.2	CƠ CHẾ PHẢN HỒI, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI CỦA UN-REED	16
7	HẠN CHẾ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN	18
7.1	TÁI ĐỊNH CƯ TIỀM NĂNG	20
8	GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ	22
9	CÔNG BỐ	22

1 Tổng quan

1.1 Mục đích và các nguyên tắc

Khung tiến trình đề cập đến mục tiêu chương trình của REDD+ và bảo tồn đa dạng sinh học quan trọng, như được ghi trong Đánh giá nhu cầu REDD+, đòi hỏi phải giảm việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiện tại trong Ban quản lý rừng phòng hộ (BQLRPH), Rừng đặc dụng (RĐD) và các công ty lâm nghiệp nhà nước (CTLN) và đôi khi được gọi đơn giản là các cơ quan quản lý rừng (FME).

Mục đích của Khung tiến trình là để thiết lập tiến trình trong đó các cộng đồng có khả năng bị ảnh hưởng bởi việc truy cập tài nguyên rừng phòng hộ bị hạn chế và cơ quan quản lý rừng tham gia vào quá trình tham vấn và đàm phán để xác định và thực hiện các biện pháp giảm thiểu hoặc giảm thiểu tác động của truy cập tài nguyên bị hạn chế. Khung này sẽ liên quan đến Báo cáo đánh giá nhu cầu và sàng lọc xã hội của REDD+, được gọi là SERNA (Đánh giá nhu cầu kinh tế xã hội và môi trường REDD+).

Khung tiến trình được lập sẽ tuân thủ chính sách của Ngân hàng Thế giới về tái định cư không tự nguyện (OP/BP 4.12) và các luật và quy định của CPVN. Khung tiến trình cung cấp hướng dẫn để phát triển Kế hoạch hành động trong quá trình thực hiện dự án:

- Xác định các hạn chế truy cập vào tài nguyên thiên nhiên trong các khu vực được bảo vệ;
- Xác định và định lượng các tác động mà những hạn chế đó có thể có đối với các phân khúc khác nhau của cộng đồng địa phương;
- Đề xuất, thực hiện và giám sát các biện pháp khắc phục để bù đắp cho việc mất những tài sản đó và thu nhập liên quan;
- Cung cấp các cơ chế giải quyết khiếu nại để giải quyết mọi vấn đề có thể phát sinh do hạn chế quyền truy cập vào tài nguyên trong suốt chương trình.

1.2 Khung pháp lý Việt Nam

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013) công nhận sự bình đẳng giữa và giữa các dân tộc ở Việt Nam. Điều 5 của Hiến pháp viết rằng:

- (i) Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam.
- (ii) Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc.
- (iii) Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình.
- (iv) Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước.

Theo Hiến pháp, các chính sách kinh tế, xã hội và văn hóa quốc gia đã được xem xét đặc biệt đối với các dân tộc thiểu số ở miền núi và vùng sâu vùng xa. Theo đó, CPVN đã xây dựng một loạt các chính sách để phát triển, tăng cường điều kiện kinh tế xã hội của các DTTS, đặc biệt là đối với các huyện/xã cực kỳ khó khăn. Chiến lược phát triển kinh tế xã hội quốc gia (SEDS) và Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (SEDP) đặc biệt kêu gọi sự chú ý đến các DTTS.

Hai chương trình chính hiện tại hướng đến người DTTS là Chương trình 135 (cơ sở hạ tầng ở vùng nghèo và vùng xa) và Chương trình 134 (cung cấp nhà ở). Sau Chương trình 134 và Chương trình 135 Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2, Chính phủ đã triển khai Chương trình 135 Giai đoạn 3 nhằm tăng cường phát triển kinh tế xã hội ở các xã nghèo nằm ở khu vực miền núi hoặc khu vực có người DTTS sinh sống. Ngoài các chương trình phát triển chung cho người DTTS, Chính phủ đã giao CEMA hướng dẫn các tỉnh chuẩn bị dự án Hỗ trợ phát triển cho các nhóm dân tộc dưới 1.000 người, như Si La, Pu Péo, Rơ Mâm, Brâu, và O'Đu, một số trong đó được tìm thấy trong Khu vực thực hiện Đề án giảm phát thải. CPVN cũng đã thực hiện Chương trình xóa đói giảm nghèo nhanh và bền vững ở 61 huyện nghèo (Nghị quyết 30a/NQ-CP của Chính phủ), nơi có nhiều người DTTS sinh sống.

Nghị định số 84/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 10 năm 2012 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban các vấn đề dân tộc thiểu số (UBDTTS). Nghị định quy định rằng Ủy ban Dân tộc là cơ quan ngang Bộ của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc trong phạm vi cả nước; quản lý nhà nước các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban Dân tộc theo quy định của pháp luật.

Cùng với Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 1 năm 2011 về các công trình của DTTS, Nghị định số 84/2012/NĐ-CP đã được ban hành làm cơ sở pháp lý để UBDTTS tiếp tục cụ thể hóa các hướng dẫn và chính sách của Nhà nước về DTTS trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa; thúc đẩy các phương tiện đoàn kết cả dân tộc vì mục tiêu của dân tộc thịnh vượng, dân tộc mạnh, công bằng xã hội, dân chủ và văn minh, nhằm bảo đảm và thúc đẩy bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau phát triển và giữ gìn bản sắc văn hóa của từng nhóm dân tộc thiểu số sống ở Việt Nam.

Các tài liệu của Chính phủ trên cơ sở dân chủ và sự tham gia của người dân địa phương có liên quan trực tiếp đến EMPF này. Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11, ngày 20 tháng 4 năm 2007 (thay thế cho Nghị định số 79/2003/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2003) về việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, và thị trấn cơ sở cho sự tham gia của cộng đồng trong việc chuẩn bị và thực hiện các kế hoạch phát triển và giám sát của cộng đồng. Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng, ngày 18 tháng 4 năm 2005 quy định việc giám sát đầu tư của cộng đồng. Chương trình giáo dục pháp lý của UBDTTS (2013 - 2016) nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của giáo dục pháp lý, nâng cao nhận thức về kỷ luật tự giác, tôn trọng, tuân thủ nghiêm chỉnh luật cán bộ và công chức, nhân viên của các tổ chức cho người DTTS. Chính sách về giáo dục và chăm sóc sức khỏe cho người DTTS cũng đã được ban hành.

Luật Đất đai 2013 khẳng định rằng đất đai thuộc về tất cả các dân tộc, trong đó Nhà nước đại diện cho tất cả các dân tộc sở hữu và quản lý vùng đất này. Nhà nước ủy quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất thông qua giao đất, cho thuê đất, công nhận và quản lý sử dụng đất. Đối với việc giao đất lâm nghiệp, Luật Đất đai quy định việc giao đất sản xuất, đất bảo vệ, đất lâm nghiệp đặc biệt cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng; tuy nhiên, mỗi loại đất lâm nghiệp được phân bổ cho người dùng khác nhau có các quyền khác nhau. Những người được Nhà nước phân đất được gọi là "người sử dụng đất". Luật đất đai quy định rằng người sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận sử dụng đất, được hưởng các sản phẩm từ khoản đầu tư trên đất.

Các hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất sản xuất có quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;

Luật Bảo vệ và Phát triển rừng (2004), liên quan đến việc Nhà nước cấp quyền sử dụng rừng cho người sử dụng rừng thông qua việc giao, cho thuê và chứng nhận rừng

Các hộ gia đình, cá nhân được giao rừng tự nhiên chỉ có thể sử dụng rừng mà không có quyền sở hữu rừng, liên quan đến trồng rừng, chủ rừng đầu tư vào rừng và thông qua việc cấp GCNQSDĐ có quyền sử dụng đất nhưng các GCNQSDĐ này được cấp căn cứ theo Luật đất đai năm 2013 chứ không phải Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng. Được phép giao đất rừng cho các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng nhưng đó không phải là tài sản có thể bị nắm và cây trong các khu rừng này không chặt và mục đích của việc giao rừng chủ yếu là để bảo vệ rừng. Do đó, Luật Đất đai năm 2013 quyết định liệu người sử dụng đất rừng có được cấp GCNQSDĐ hay không và quy định rõ đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng không được cấp GCNQSDĐ. Do đó, khi đề cập đến quyền sở hữu đất rừng truyền thống, điều này không được phép ở Việt Nam.

Luật Đa dạng sinh học (2008) quy định rằng các tổ chức và cá nhân có quyền khai thác và sử dụng đa dạng sinh học, nên chia sẻ lợi ích với các bên liên quan, cân bằng lợi ích và tổ chức/cá nhân của Nhà nước, kết hợp bảo tồn, khai thác và sử dụng đa dạng sinh học và giảm nghèo, đảm bảo sinh kế cho các hộ gia đình, cá nhân cư trú hợp pháp trong khu vực bảo tồn; quy định quyền và lợi ích của hộ gia đình, cá nhân cư trú hợp pháp trong khu vực bảo tồn, tức là họ có thể khai thác lợi ích hợp pháp trong khu vực bảo tồn, tham gia và hưởng lợi từ các hoạt động kinh doanh và dịch vụ trong khu vực bảo tồn, các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ môi trường đa dạng sinh học nên chi trả cho các tổ chức và cá nhân cung cấp dịch vụ. Luật tạo ra khung pháp lý thuận lợi cho các cộng đồng sống trong và gần rừng, tham gia vào các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng và có thể chia sẻ lợi ích trong khi những khu rừng này.

Luật Bảo vệ Môi trường 2014 quy định các cơ quan quản lý biến đổi khí hậu có trách nhiệm cung cấp thông tin, tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng và tạo điều kiện tốt cho cộng đồng tham gia ứng phó với biến đổi khí hậu; một trong những hoạt động để quản lý phát thải KNK là quản lý bền vững tài nguyên rừng, khôi phục và cải thiện trữ lượng các-bon rừng; thiết lập và phát triển thị trường tín dụng carbon trong nước và tham gia thị trường quốc tế, trả lại sự đa dạng sinh học và thành lập quỹ bảo vệ môi trường.

Luật Lâm nghiệp thiết lập khung pháp lý về sử dụng và khai thác rừng trong một số văn bản pháp luật như Quyết định 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định quản lý rừng và Thông tư 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ NN & PTNT hướng dẫn về khai thác và trục vớt gỗ và LSNG và xây dựng việc khai thác rừng cho từng chủ rừng (tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng), theo chức năng của rừng (rừng tự nhiên hoặc rừng trồng) và theo nguồn đầu tư (Nhà nước, chủ rừng, dự án quốc tế). Các tài liệu này quy định việc sử dụng đất cần để sản xuất nông lâm nghiệp trong rừng phòng hộ, rừng sản xuất, du lịch sinh thái dựa trên hệ sinh thái rừng.

Gần đây, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 2242/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2014 cho phép tăng cường quản lý và khai thác rừng tự nhiên giai đoạn 2014-2020. Các hộ gia đình có rừng tự nhiên được giao có thể tự khai thác gỗ, khối lượng tối đa là 10m³/hộ/tấn, nhưng không nên lạm dụng tài nguyên rừng.

Nghị định 75/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 9 năm 2015 về các cơ chế và chính sách của Chi cục Kiểm lâm, gắn liền với giảm nghèo nhanh và bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số trong giai đoạn 2015-2020. Nghị định này quy định tiền khoán bảo vệ rừng là 400.000 đồng/ha/năm, cho dù doanh thu từ việc bán các khoản tín dụng carbon được sử dụng đầy đủ hay một phần, nên được xem xét cẩn thận để tránh xung đột với các khu rừng không trong Đề án giảm phát thải. Nghị định 99/2010/NĐ-CP về Chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng là luật chính quy định về chi trả dịch vụ môi trường rừng ở Việt Nam. Nghị định đã xác định các dịch vụ lâm nghiệp phải trả phí (bao gồm hấp thụ và lưu giữ các bon), và làm rõ vai trò quản lý Nhà nước về chi trả dịch vụ môi trường rừng cũng như các quyền và trách nhiệm của người sử dụng và cung cấp dịch vụ lâm nghiệp.

Theo Luật Bảo vệ và Phát triển rừng (2004), Nghị định 05/2008/NĐ-CP thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển rừng để bảo vệ và phát triển rừng, nâng cao nhận thức và trách nhiệm đối với bảo vệ rừng, nâng cao năng lực và hiệu quả trong quản lý rừng và sử dụng và các nguồn tài chính bao gồm đầu tư ban đầu từ ngân sách nhà nước và bây giờ, như đã đề cập, đặc biệt là các công trình thủy điện. Nghị định này cung cấp cơ sở pháp lý cho việc thanh toán các dịch vụ môi trường rừng (PFES), theo đó nhà đầu tư được yêu cầu dành một tỷ lệ phần trăm doanh thu hạ nguồn để trả cho các cộng đồng địa phương tham gia vào các hoạt động bảo vệ rừng ở đầu nguồn bị ảnh hưởng bởi đầu tư cơ sở hạ tầng. Không phải tất cả các tỉnh trong Khu vực thực hiện Đề án giảm phát thải, đặc biệt là Quảng Trị, đều nhận được khoản thanh toán PFES vì hiện tại không có dự án thủy điện.

Vào tháng 10 năm 2018, Chính phủ Việt Nam đã thông qua Luật Lâm nghiệp sửa đổi, hợp pháp hóa Phương pháp quản lý hợp tác thích ứng (ACMA) và thành lập Hội đồng quản lý rừng (FMC) liên quan đến cả chủ sở hữu/người quản lý của các doanh nghiệp quản lý rừng hiện tại và cộng đồng địa phương. Luật cũng củng cố tính hợp pháp của Cơ chế chia sẻ lợi ích (BSM) trong đó các Kế hoạch chia sẻ lợi ích địa phương (BSP) sẽ được chuẩn bị để đảm bảo rằng các hộ gia đình phụ thuộc vào rừng hiện tại sẽ có thể nhận được một loạt các lợi ích bằng tiền và phi tiền tệ từ các chương trình bao gồm Đề án giảm phát thải. Cuối cùng, đề xuất rằng cần phải chú ý nhiều hơn đến những người sử dụng rừng truyền thống, bao gồm cả các nhóm dân tộc thiểu số và đặc biệt là phụ nữ, có giá trị lớn hơn đáng kể so với trước đây.

2 Tác động của chương trình

Đã tiến hành đánh giá xã hội trong quá trình chuẩn bị chương trình thuộc trách nhiệm của Bộ NN & PTNT thông qua việc xây dựng đánh giá môi trường và xã hội chiến lược (SESA). Hai nhóm tư vấn độc lập trong nước và quốc tế đã đánh giá tác động xã hội tích cực và tiêu cực của các thành phần chính của dự án. Mục đích của đánh giá xã hội là nhằm giải quyết các chính sách bảo đảm an toàn xã hội của Ngân hàng Thế giới và các vấn đề phát triển xã hội và giới khác và đề xuất các cải tiến liên quan trong thiết kế chương trình. Các đánh giá xã hội đã xác định người dân địa phương, bao gồm các nhóm dễ bị tổn thương, sống ở vùng cao và rừng núi của sáu tỉnh Đề án giảm phát thải. Nó đã được xác nhận rằng một số hoạt động thu hồi đất nhỏ có thể xảy ra trong dự án, và việc quản lý rừng được cải thiện, đặc biệt là rừng đặc dụng, sẽ hoàn toàn có thể dẫn đến một số hạn chế trong việc tiếp cận tài nguyên. Các tác động chi tiết được trình bày trong Bảng 1.2 của RPF, tuy nhiên, các tác động chủ yếu là: (i) Việc mua lại nông nghiệp, đất vườn và đất rừng lán chiếm không tự nguyện ảnh hưởng đến sinh kế/hoạt động kinh doanh.

PF đã được chuẩn bị để đối phó với các cộng đồng bị ảnh hưởng hoặc ít nhất là các hộ gia đình bị ảnh hưởng, nếu họ tham gia thành lập ACMA và đồng ý hạn chế thu hoạch LSNG trong các FME hiện có và các can thiệp khác như kéo dài chu kỳ sản xuất các loài cây trên đất thuộc quyền kiểm soát của họ (cho dù đã được hợp pháp hóa nhờ sở hữu GCNQSDĐ hoặc có thể có đất mà họ đang sử dụng hợp pháp hóa cho các mục đích đó).

3 Tính đủ điều kiện của nhóm mục tiêu

Các cá nhân và cộng đồng sẽ có thể hưởng lợi từ Khung tiến trình là những người sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong/từ ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng hoặc các công ty lâm nghiệp nhà nước nhận được hỗ trợ từ Đề án giảm phát thải và đã đồng ý tham gia FMC và có thể bị ảnh hưởng xấu bởi các biện pháp bảo tồn được cải thiện do quỹ hỗ trợ. Họ sống (i) trong khu vực thuộc sở hữu của BQLRPH, RĐD hoặc CTLN và bị ảnh hưởng bởi các biện pháp quản lý được cải thiện (lý tưởng sẽ là tích cực vì sự hợp tác của các bên liên quan), hoặc (ii) trong khu vực lân cận rừng thuộc sở hữu của BQLRPH, RĐD hoặc CTLN và là người sử dụng tài nguyên rừng trong rừng đặc dụng bị ảnh hưởng bởi các biện pháp quản lý được cải thiện.

Các cộng đồng và cá nhân này cũng được định nghĩa là “những người dịch chuyển” theo OP 4.12 về tái định cư không tự nguyện (Lưu ý: nơi cư trú của những người này thường không bị dịch chuyển, nhưng việc tiếp cận một số tài nguyên thiên nhiên có thể bị hạn chế). Mọi người cũng đồng ý rằng các khoản đầu tư cơ sở hạ tầng vật chất (công trình thủy điện, đường giao thông và hệ thống thủy lợi) sẽ không được thực hiện trong Khu vực thực hiện Đề án giảm phát thải, được xác định là khu vực rừng dưới sự kiểm soát trực tiếp của 69 Cơ quan quản lý rừng tại sáu tỉnh ven biển Bắc Trung bộ bởi chính quyền tỉnh hoặc bởi chính quyền trung ương nhưng điều này không có nghĩa là các FMC riêng lẻ không thể chọn xây dựng đường mới mới hay nâng cấp đường hiện tại nhưng FMC sẽ không có khả năng tài chính hoặc thẩm quyền tài phán để phát triển bất cứ thứ gì ngoài trừ hệ thống tưới tiêu quy mô rất nhỏ của công trình thủy điện. .

Các cá nhân và cộng đồng được coi là người chiếm giữ bất hợp pháp trong FME đủ điều kiện theo Khung quy trình này như được đề cập trong phần 1.3 của Khung chính sách tái định cư này dựa trên thỏa thuận hiện có giữa Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Thế giới và các nhà tài trợ vốn ODA khác.

Các quy định của OP 4.10 (Người bản địa/Dân tộc thiểu số) cũng đã được xem xét trong khi chuẩn bị Khung tiến trình. Chi tiết hơn về người dân tộc thiểu số có khả năng bị ảnh hưởng bởi Đề án giảm phát thải được đề cập trong EMPF.

Các tác động cụ thể có thể có đối với phụ nữ được đưa vào Kế hoạch hành động về giới nhưng cũng phải công nhận rằng phụ nữ là người sử dụng rừng và trong Đề án giảm phát thải này phần lớn là phụ nữ dân tộc thiểu số nên các biện pháp giảm thiểu cụ thể được đưa vào cả RPF (nơi phụ nữ dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp bởi các tác động tái định cư không tự nguyện) và EMPF và ESMF.

4.1 Cơ chế chia sẻ lợi ích

Mục đích tổng thể của các biện pháp phục hồi và giảm thiểu là để bù đắp và đa dạng hóa sinh kế của những người bị ảnh hưởng trong việc hạn chế tài nguyên rừng. Chương trình sẽ hỗ trợ phát triển các phương thức cung cấp cơ hội sinh kế thay thế cho các PAP. Quá trình phát triển các sinh kế thay thế này sẽ có sự tham gia và sẽ được nhấn mạnh bởi việc ra quyết định dựa trên cộng đồng theo các quy trình hợp tác được đưa vào ACMA và được phản ánh trong việc thành lập FMC.

Trong các BQLRPH, RĐD, và CTLN các thỏa thuận cấp địa phương không chính thức tồn tại dựa trên những gì cộng đồng có thể và không thể thu hoạch từ các khu vực được bảo vệ, mặc dù điều này không được luật pháp hiện hành khuyến khích. Điều này mang đến cơ hội phát triển các phương pháp cải tiến để bảo vệ các nguồn tài nguyên đa dạng sinh học quan trọng là mục tiêu của hỗ trợ Chương trình giảm phát thải (ER-P), đồng thời thúc đẩy sự tham gia và sử dụng tài nguyên bền vững thay vì cấm sử dụng rừng truyền thống mà các cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng địa phương đã dựa vào trong quá khứ và vẫn đang dựa vào ở các mức độ khác nhau.

Vì quỹ sẽ cung cấp các khoản tài trợ với số lượng hạn chế (số tiền chính thức vẫn chưa được quyết và tuân theo thỏa thuận với Quỹ Carbon về ứng trước 10%) cho các BQLRPH, RĐD, và CTLN riêng lẻ, chương trình nói chung sẽ không tài trợ Các hoạt động tạo thu nhập thay thế quy mô lớn trong số các khoản tài trợ nhỏ này, mặc dù thông qua Chương trình chia sẻ lợi ích (BSP), có khả năng các hoạt động tạo thu nhập thay thế liên quan đến lâm nghiệp có thể được tài trợ trên cơ sở toàn cộng đồng. Do đó, Khung tiến trình tập trung vào các biện pháp giảm thiểu thay thế có nghĩa là phải sử dụng các quy định của OP4.12 như đã được tích hợp trong RPF ER-P.

Biện pháp giảm thiểu chính sẽ xuất phát từ Chia sẻ lợi ích chính thức liên quan đến mức độ sử dụng tài nguyên thiên nhiên cho phép trong các BQLRPH, RĐD, và CTLN. Các thỏa thuận này là yêu cầu tối thiểu theo Khung tiến trình. Nếu không thể đạt được thỏa thuận về mức độ sử dụng tài nguyên có thể chấp nhận được vào năm 3 (tức là trước khi có các lợi ích từ Quỹ Carbon thông qua ERPA) của chương trình trong các BQLRPH, RĐD, và CTLN được hỗ trợ bởi các hạn chế ER-P sẽ không được hỗ trợ bởi chương trình và Kế hoạch tái định cư sẽ phải được Đề án giảm phát thải chuẩn bị cho các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi các tác động tái định cư không tự nguyện, cho dù hạn chế tiếp cận LSNG trong các FME hiện tại hoặc các tác động khác như kéo dài chu kỳ sản xuất của các loài cây được khai thác thương mại để bù đắp cho việc mất quyền truy cập vào tài nguyên. Không phải bồi thường các cơ quan quản lý rừng hiện tại mà chỉ trả những người dân làng đang phải đối mặt với những hạn chế trong việc khai thác LSNG theo thỏa thuận của các FMC mà dân làng sử dụng rừng được đại diện trực tiếp.

Các hạn chế về sử dụng tài nguyên sẽ không được thực thi trước khi hoàn thiện Cơ chế chia sẻ lợi ích (bao gồm SERNA liên quan đến sử dụng tài nguyên rừng). Nhưng họ chỉ có thể được thi hành dựa trên thỏa thuận đạt được thông qua FMC. Cần lưu ý rằng tất cả dân làng đều có quyền chọn không tham gia SERNA và ACMA và FME. Nếu những người dân đó bị ảnh hưởng bởi Đề án giảm phát thải, theo OP4.12 tất nhiên họ được hưởng khoản bồi thường và các khoản phụ cấp khác.

4.2 Tiến trình có sự tham gia

Chương trình này hoàn toàn phụ thuộc vào sự phát triển có hệ thống của các phương pháp quản lý tài nguyên thiên nhiên có sự tham gia. Điều này bao gồm, nhưng không giới hạn ở mức độ cho phép sử dụng tài nguyên. Khung tiến trình đảm bảo rằng cách tiếp cận có sự tham gia đó được thúc đẩy theo chương trình bằng cách thiết lập một bộ các bước và điều kiện áp dụng cho từng BQLRPH, RĐD, và CTLN tham gia dự án và cho các làng tiếp giáp với các cơ quan quản lý rừng này và/hoặc tiếp cận có hệ thống các khu vực có rừng để thu hoạch LSNG hoặc những người đang cư trú thực tế ở vùng ven (tuy nhiên không chính xác) được phân định trong quá trình thành lập các cơ quan quản lý rừng này

Điều này sẽ được thực hiện thông qua phương pháp ACMA với việc thành lập FMC theo các quy trình có sự tham gia của SERNA. Do đó, các thành viên cộng đồng bị ảnh hưởng với hạn chế truy cập sẽ được hỗ trợ để tự huy động nhằm xác định các hoạt động sinh kế khả thi. Cách tiếp cận sẽ giúp đảm bảo công bằng trong tiến trình và tất cả những người bị ảnh hưởng bao gồm các nhóm dễ bị tổn thương, như phụ nữ, người già và người bản địa, có cơ hội tham gia và hưởng lợi từ hỗ trợ sinh kế thay thế được cung cấp bởi dự án.

Các cộng đồng DTTS sẽ được tham gia đầy đủ và sự tham gia của họ được thúc đẩy để xác định sinh kế thay thế phù hợp với văn hóa. Dự án sẽ xem xét các thỏa thuận của họ đạt được với sự tham gia của các nhà lãnh đạo địa phương của họ hỗ trợ việc chuẩn bị các tài liệu phù hợp cho truyền thông dự án. Tuy nhiên, cần nhắc lại việc hạn chế tiếp cận tài nguyên rừng hoặc kéo dài chu kỳ sản xuất của các loài cây thương mại có liên quan, các AP phải được bồi thường khi mất quyền truy cập và sử dụng thông qua các quy định của RPF.

Nếu trong trường hợp họ chọn từ chối bồi thường, có lẽ vì họ nghĩ rằng các hợp phần Đề án giảm phát thải ví dụ như những hợp phần liên quan đến nông nghiệp thông minh ứng phó biến đổi khí hậu có thể mang lại lợi ích cho họ thì điều này phải được ghi lại rõ ràng. Sẽ không thể chấp nhận được nếu chỉ ghi đơn giản là những người bị ảnh hưởng đó đã đồng ý về nguyên tắc mà không có bằng chứng văn bản. Hơn nữa, nếu những những người bị ảnh hưởng này nhận ra vào một ngày sau đó rằng các hạn chế đã có tác động tiêu cực đến sinh kế của họ, Đề án giảm phát thải sẽ được yêu cầu bồi thường cho họ theo RPF.

4.3 Sinh kế thay thế khác

Đề án giảm phát thải đã đề xuất các hoạt động sinh kế tại Hợp phần 3. Thúc đẩy nông nghiệp thông minh ứng phó với biến đổi khí hậu và sinh kế bền vững cho người phụ thuộc vào rừng. Dựa trên bằng chứng thực nghiệm từ SESA, Đề án giảm phát thải sẽ nhắm mục tiêu tới 25 hộ gia đình trong mỗi FMC (con số này cũng thay đổi theo quy mô của FMC và có thể nhiều hộ gia đình hơn) những người mà trong quá trình SERNA đã được xác định là chịu trách nhiệm phần lớn cho các hoạt động phá rừng và suy thoái so với các hộ gia đình phụ thuộc vào rừng khác và được xác định để hỗ trợ ban đầu. Các hạn chế sẽ được áp dụng theo thỏa thuận với AH sẽ được giảm thiểu thông qua hợp phần này.

Các can thiệp theo hợp phần này sẽ tập trung vào việc áp dụng các biện pháp cải tiến nông nghiệp và đa dạng hóa sinh kế của người dân sống phụ thuộc vào rừng. Hai tiểu hợp phần này sẽ giải quyết các nguyên nhân nông nghiệp chính của nạn phá rừng và suy thoái rừng và hỗ trợ việc áp dụng các biện pháp canh tác nông nghiệp thông minh ứng phó biến đổi khí hậu và phá rừng ở vùng cao và miền núi của các tỉnh Đề án giảm phát thải. Nó bao gồm việc thúc đẩy các

thực hành nông nghiệp thông minh ứng phó biến đổi khí hậu trên khoảng 60.300 ha đất nông nghiệp thông qua các dịch vụ khuyến nông và đào tạo hộ gia đình gần với các điểm nóng phá rừng và suy thoái rừng và tăng cường các hợp tác xã tham gia vào các chuỗi giá trị phi phá rừng.

SERNA có sự tham gia sẽ xác định các tác nhân phụ thuộc vào rừng và dễ bị tổn thương nhất cần được nhắm mục tiêu để giảm nạn phá rừng và suy thoái rừng. Dựa vào đó, phát triển hoạt động quản lý hợp tác. Cơ chế tài trợ sẽ hỗ trợ đa dạng hóa và duy trì sinh kế cho những người phụ thuộc vào rừng của các cộng đồng dễ bị tổn thương và phụ thuộc vào rừng. Những nỗ lực này sẽ tài trợ từ các chương trình của chính phủ hiện tại nhằm vào các xã nghèo hơn (xem Bảng 4.7 của ER-PD) cũng như các khoản thanh toán PFES khi các khoản thanh toán đó được thực hiện nhưng chúng sẽ được giới hạn trong khu vực thực hiện nơi các dự án cơ sở hạ tầng tạo ra các khoản thanh toán PFES. Điều này có thể góp phần cải thiện điều kiện kinh tế xã hội của các dân tộc thiểu số và các nhóm nghèo khác trong khi giảm nạn phá rừng và suy thoái rừng.

Các chương trình phục hồi sinh kế và sinh kế thay thế sẽ được phát triển dựa trên các quy trình có sự tham gia được đưa vào trong ACMA thông qua các FMC. Để bù đắp thích đáng và đầy đủ cho các hộ gia đình sẽ bị ảnh hưởng xấu bởi các hạn chế truy cập, dự án sẽ phát triển sinh kế thay thế để giảm thiểu tác động tiêu cực đến sinh kế của họ. Tuy nhiên, việc thực hiện thành công chương trình trong một thời gian dài phụ thuộc rất nhiều vào sự hợp tác với cộng đồng địa phương và các cơ quan quản lý rừng.

Các biện pháp phát triển sinh kế cộng đồng và sinh kế cá nhân sẽ được xác định với sự tham gia của các cộng đồng bị ảnh hưởng, trong đó sẽ tập trung vào việc thiết lập các hoạt động phục hồi sinh kế và sinh kế thay thế phù hợp với môi trường và văn hóa. Tuy nhiên, một lần nữa nếu có các tác động dẫn đến mất sinh kế hiện tại hoặc giảm sinh kế, các quy định của OP4.12 theo RFP sẽ được áp dụng.

5 Tổ chức thực hiện

Khung tiến trình bắt đầu khi các cơ quan quản lý của BQLRPH, RDD, và CTLN và/hoặc các đối tác của họ (trong cấu trúc Quản lý hợp tác thích ứng, điều này cũng sẽ bao gồm các thành viên của các cộng đồng phụ thuộc vào rừng địa phương) chuẩn bị xin tài trợ từ ER-P và BSP với việc chuẩn bị các hoạt động quản lý rừng cụ thể dẫn đến giảm lượng khí thải carbon. ER-P không chỉ đơn giản là một dự án bảo tồn rừng và không được mô tả như vậy.

Bất kỳ áp dụng nào cho Đề án giảm phát thải chỉ ra rằng chủ sở hữu hoặc người quản lý và người sử dụng tài nguyên rừng đồng ý với các nguyên tắc của ACMA và thành lập FME. Khung tiến trình này được thiết kế để đảm bảo rằng các quy trình này được tuân thủ rộng rãi từ tất cả các nhóm liên quan, Đề án giảm phát thải sẽ không hỗ trợ các phương pháp khác. Do đó, việc áp dụng thành công một cách chắc chắn vào ER-P đòi hỏi phải có sự cam kết của FME và các bên liên quan khác, bao gồm và đặc biệt ở cấp thôn để mua vào ACMA, FMC và các hoạt động liên quan bao gồm chuẩn bị các BSP cụ thể tại địa phương.

Quá trình này bao gồm bốn bước (chuẩn bị và áp dụng, khởi động hoạt động, thực hiện và giám sát và phổ biến các bài học kinh nghiệm) với một số điều kiện cần được thực hiện ở mỗi giai đoạn. Các bước và điều kiện này có thể được điều chỉnh trong quá trình thực hiện chương trình khi có vấn đề và cơ hội mới, nhưng mọi điều chỉnh phải được thỏa thuận trước bởi Thỏa thuận Chương trình giảm phát thải của Ngân hàng Thế giới (WB-EPRA)

Đầu mối tổ chức cho dự án này với Ban quản lý các dự án lâm nghiệp (MBFP) thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN & PTNT). MBFP sẽ chịu trách nhiệm giám sát và quản lý

dự án tổng thể. Ngoài MBFP, sẽ có sự tham gia của Tổng cục lâm nghiệp (TCLN) từ Bộ NN & PTNT và sự tham gia của các phòng ban liên quan trong huyện, bao gồm Ủy ban Tái định cư Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện (Sở NN&PTNT) và Sở TN&MT (Sở Tài nguyên và Môi trường).

Cơ cấu thực hiện dự án sẽ bao gồm một đơn vị quản lý dự án cấp trung ương (BQLCT TW) và các đơn vị quản lý dự án cấp tỉnh (BQLCTT). Các BQLCTT sẽ giám sát các hoạt động của dự án tại tỉnh của mình

5.1 *Cấp trung ương*

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT) Bộ NN & PTNT sẽ phối hợp với các nhà tài trợ, các bộ và ban ngành liên quan để chỉ đạo dự án. Bộ NN & PTNT sẽ tham khảo ý kiến của các bộ phận liên quan về chính sách, khung và triển khai dự án phù hợp và họ sẽ đánh giá hiệu quả dự án.

Ban quản lý dự án trung ương (BQLCT TW) chịu trách nhiệm cho tất cả các hoạt động vận hành và các hoạt động thực hiện kế hoạch bảo vệ xã hội được thực hiện bởi các chuyên gia tư vấn. Đơn vị tư vấn phải phối hợp chặt chẽ với Đơn vị quản lý dự án tỉnh (BQLCTT) trong việc thực hiện và tiến hành các hoạt động ở cấp xã hoặc thị trấn

5.2 *Cấp tỉnh*

BQLCTT sẽ làm việc với các bên liên quan của Việt Nam ở cấp tỉnh, huyện và xã/thôn về các hoạt động liên quan đến; bảo vệ xã hội, đào tạo, thực hiện và nâng cao nhận thức. BQLCTT và nhóm bảo đảm an toàn của Bộ NN & PTNT chịu trách nhiệm giám sát các hoạt động thực hiện theo các kế hoạch bảo đảm an toàn xã hội.

UBND xã sẽ hỗ trợ thực hiện các kế hoạch bảo đảm an toàn xã hội ở cấp xã. Các tổ chức đoàn thể như: Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân, Hội Thanh niên, Hội Cựu chiến binh và Hội Người cao tuổi sẽ giám sát việc thực hiện dự án, đặc biệt là thu hồi đất và bồi thường, chia sẻ lợi ích, giải quyết xung đột lợi ích và đất đai để đảm bảo các chính sách và luật pháp của Việt Nam được tuân thủ .

Các tổ chức phi chính phủ (NGO) quen thuộc với REDD+, các hoạt động của NHTG hoặc các nhà tài trợ vốn ODA khác tại Việt Nam, và đặc biệt là áp dụng các chính sách bảo đảm an toàn liên quan đến các nhóm dân tộc thiểu số ở sáu tỉnh Đề án giảm phát thải cũng sẽ được mời tham gia . Tuy nhiên, chi phí tham gia của họ sẽ không phải do Đề án giảm phát thải chịu mà do huyện hoặc tỉnh chịu. Do đó, Khung tiến trình không khẳng định rằng các tổ chức phi chính phủ tham gia tích cực mặc dù nếu họ có khả năng đại diện cho một hình thức thực hành tốt, đặc biệt là nếu họ đã chứng minh được mối liên hệ với các nhóm dân tộc thiểu số cụ thể (ví dụ tổ chức phi chính phủ có kiến thức về dân tộc Thái có thể không hiểu rõ về dân tộc H'mông và ngược lại). Do đó, tìm kiếm hướng dẫn của tổ chức phi chính phủ và bài học kinh nghiệm để thực hiện dự án.

6 *Cơ chế giải quyết khiếu nại*

6.1 *Cơ chế phản hồi và giải quyết khiếu nại*

BSM đề xuất sẽ được đưa vào cấu trúc quản lý hợp tác trong đó mối quan hệ bất cân xứng giữa chủ rừng và ban quản lý và cộng đồng địa phương được giảm đáng kể và sự thành công của

BSM phụ thuộc vào các cấu trúc có sự tham gia tạo ra kết quả có lợi. Việt Nam có sẵn cơ chế để tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại và trong khi các cơ chế này sẽ có hiệu quả lớn nếu được sử dụng đúng cách, cơ chế này áp dụng chủ yếu cho các bên bị dịch chuyển về mặt địa lý hoặc kinh tế dẫn đến phải tái định cư không tự nguyện.

Khung Phương pháp của Quỹ Carbon yêu cầu rằng để đủ điều kiện nhận thanh toán từ Quỹ Carbon, tất cả các hình thức phản hồi và bất kỳ hình thức khiếu nại nào liên quan đến Chương trình đều phải thể hiện được những điều sau: tính hợp pháp, khả năng tiếp cận, tính công bằng, tính tương thích, tính minh bạch và khả năng được minh họa trong các quy trình cần tuân thủ để nhận, sàng lọc, giải quyết, theo dõi và báo cáo phản hồi về khiếu nại hoặc lo ngại được gửi bởi các bên liên quan bị ảnh hưởng. Danh mục các bên liên quan bị ảnh hưởng được giả định không chỉ bao gồm các làng mà còn các BQLRPH, BQLRĐD và CTLN, trong đó có các quyết định được đưa ra bởi các thực thể đồng quản lý có tác động tiêu cực đến BQLRPH, BQLRĐD và CTLN.

Để hiểu tại sao FRGM được yêu cầu và cách nó hoạt động, một loạt các ví dụ liên quan đến Dự án¹ là cần thiết để minh họa ở đây.

Kịch bản 1: Cũng có thể có những trường hợp một làng (một dân tộc thuộc nhóm dân tộc thiểu số đặc biệt bị thiệt thòi) hoặc các hộ gia đình trong một làng cụ thể (có thể là các hộ nghèo và dễ bị tổn thương hơn như những người thuộc nhóm người già hoặc bị suy yếu hoặc từ một nhóm dân tộc thiểu số yếu hơn cùng làng với các nhóm dân tộc thiểu số khác) không được tham khảo ý kiến cũng như không được mời tham gia các hoạt động đã được thống nhất tại cuộc họp Ban ACMA nơi đại diện của bầu “được bầu” từ làng là đại diện cho toàn bộ ngôi làng (người được bầu trong trường hợp đầu tiên bởi làng hoặc dựa trên các thực hành lựa chọn truyền thống mà tất cả dân làng chấp nhận). Nếu điều này xảy ra, nó có thể đây là ví dụ điển hình của việc “người có địa vị chiếm hết điều kiện tốt”, điều mà Chương trình đang tìm cách giảm thiểu. Rõ ràng việc tiết lộ thông tin cần được phổ biến đầy đủ và, theo cách thức, và các điều khoản phù hợp về mặt văn hóa. Bị loại trừ có thể dẫn đến việc từ chối các lợi ích như thanh toán cho các dịch vụ bảo vệ rừng, thiết lập hạn ngạch theo thỏa thuận để thu LSNG, quyền khai thác gỗ cho mục đích xây dựng nhà, giao đất rừng cho mục đích bảo vệ hoặc sản xuất, hoặc thậm chí là yêu cầu đất được sử dụng cho các mục đích không liên quan đến rừng như cây lương thực bị loại bỏ vì mục đích quản lý rừng bền vững. Từ chối và loại trừ trong những trường hợp như vậy có khả năng ảnh hưởng đến hệ thống sinh kế chung của các hộ gia đình đó.

Kịch bản 2: Trong một trường hợp khác, có thể có tranh chấp về ranh giới giữa những gì ban quản lý hiện có tuyên bố là ranh giới giữa đất rừng mà họ sở hữu hoặc quản lý và vùng đệm bao quanh đất rừng mà một làng hoặc nhiều làng hoặc thậm chí các hộ gia đình trong làng hoặc nhiều làng khiếu nại. Có thể là ban quản lý hiện nay tham chiếu đến các bản đồ địa chính hoặc tọa độ GPS tính chính xác của các bên liên quan khác. Để khắc phục tình trạng bế tắc này, cần có ban đồng quản lý được bầu bao gồm đại diện từ mỗi làng quyết định phương thức lập bản đồ. Phương thức này được ban quản lý hiện tại duyệt và dân làng được thông báo rằng họ phải ngừng sử dụng vùng đất này hoặc trong trường hợp xấu nhất là bỏ lại nơi cư trú hiện tại trong rừng. Tuy nhiên, dân làng bị ảnh hưởng khiếu nại họ có thể chứng minh thông qua sự hiểu biết rõ của họ về khu rừng mà theo truyền thống họ chiếm khu đất này hoặc đất nói chung thể hiện sự chuyển đổi hoặc mở rộng sử dụng đất trong quá khứ vì thế họ là những người chiếm đất hợp pháp mặc dù họ không được cấp GCNSDD.

¹ Các ví dụ này được lấy từ các làng Chương trình đến thăm trong quá trình tham vấn có sự tham gia và trong khi phức tạp hơn được trình bày ở đây, các ví dụ này gói gọn các loại vấn đề có thể cần giải quyết bởi FGRM.

Kịch bản 3: Một kịch bản khả thi khác là vì lợi ích của cách tiếp cận quản lý rừng bền vững hơn, ban quản lý được bầu có thể đồng ý rằng đất rừng nguyên thủy đã được chuyển đổi sang sử dụng canh tác nông nghiệp, hoặc không có sự chấp thuận của chính quyền địa phương, cần phải được trồng lại. Các hộ gia đình, làng hoặc thậm chí chính quyền địa phương, những người có thể đồng ý chính thức hoặc nhiều khả năng phản đối chính thức hành động đó vì họ tin rằng sinh kế hiện tại sẽ bị đe dọa và quyết định đưa ra không phản ánh đúng thực tế: người dân và dạ dày của họ được ưu tiên trước cây cối và giảm khí thải các bon. Điều này có thể xảy ra ngay cả khi các tiêu chí cho BSM không bao gồm các thực hành đó. Do đó, đây là trường hợp trong đó một nhóm các bên liên quan không chấp nhận quyết định của ban đồng quản lý được bầu và đang tìm cách lật ngược phán quyết. Ngược lại, đa số có thể quyết định rằng cần có thêm đất rừng cho mục đích trồng trọt nông nghiệp vì lợi ích ngắn hạn từ trồng trọt nông nghiệp vượt xa lợi ích từ việc thải khí carbon trong thời gian dài.

Kịch bản 4: Một kịch bản khác, rất hợp lý khi đầu tư vào các dự án thủy điện trong khu vực Chương trình là ACMA đồng ý với nhà đầu tư hỗ trợ ngập úng một số khu vực có rừng và đường đi đến cơ sở ngay cả khi các hộ gia đình không tự ý di dời. Một số làng cùng với UBNDX và UBNDH có thể hỗ trợ khoản đầu tư như vậy bởi vì họ nghĩ rằng có thể có lợi ích (bao gồm cả theo chương trình CTDVMTR) trong khi các làng khác thậm chí còn bị ảnh hưởng trực tiếp hơn phản đối khoản đầu tư này vì ảnh hưởng đến sinh kế của họ. Trong khi các làng khác có thể phản đối đầu tư vì họ đường đi là cơ hội để khai thác gỗ bất hợp pháp và khai thác quá mức LSNG của người ngoài. Do đó, không có lợi ích ròng chỉ có chi phí nhưng các bên liên quan như vậy cảm thấy khó khăn để làm cho tiếng nói của họ được lắng nghe.

Kịch bản 5: Trong một trường hợp khác, các nhà đầu tư bên ngoài như nhà đầu tư du lịch sinh thái có thể tranh thủ sự hỗ trợ của UBND tỉnh (thường có thể làm như vậy) để yêu cầu quyền vào đất rừng nguyên sinh để xây dựng các nhà nghỉ du lịch sinh thái có giá trị cao. Tất cả các thành viên của ACMA có thể phản đối khoản đầu tư này vì họ không thấy được lợi thế bằng tiền dành cho mình và có tầm quan trọng như nhau khi không thấy cách đầu tư như vậy có thể dẫn đến việc quản lý rừng bền vững. Cũng có thể các làng địa phương (mặc dù có thể có các hộ gia đình riêng lẻ trong các làng này hỗ trợ) không ủng hộ đầu tư như vậy vì tác động đối với môi trường hiện tại bao gồm cả khu vực đầu nguồn. Tình huống tồn tại trong kịch bản này là UBND tỉnh có trong quá khứ và vẫn có thể cai trị quá mức chính quyền địa phương và cộng đồng địa phương nhờ vào vị thế chính trị và kinh tế của mình. CPVN đang tìm cách chào đón đầu tư ở cấp địa phương nhưng không gây bất lợi cho môi trường và xã hội của cộng đồng địa phương. Ngoài ra, CPVN nhận ra rằng UBND các tỉnh có cách tiếp cận khác nhau với các vấn đề như vậy nhưng cũng nhận ra sự cần thiết phải chủ động và do đó cần có một FGRM khả thi.

Liên quan đến tranh chấp và bất bình² ở Việt Nam, có những cơ chế được thiết lập bắt đầu ở cấp làng xã hoặc khu vực đô thị, theo đó mọi khiếu nại ở bất cứ nơi nào đều có thể được giải quyết ở cấp độ này một cách không chính thức. Nếu các bên không thể giải quyết khiếu nại của họ ở cấp độ này trên cơ sở không chính thức thì họ có thể khiếu nại lên Ủy ban Nhân dân xã.

² Có một sự khác biệt giữa tranh chấp và khiếu nại. Tranh chấp thường liên quan đến một hoặc nhiều bên không đồng ý với một hoặc nhiều bên liên quan đến một số hoạt động, chẳng hạn như quyền truy cập và sử dụng đất nằm dưới sự kiểm soát của xã (ở Việt Nam, các UBND xã thường có tới 5% đất dự trữ để phân bổ cho các hộ gia đình “không có đất đai” và “ít đất” không được cấp GCNSĐĐ), điều này có thể và nên được giải quyết ở cấp địa phương. Văn hóa chính trị Việt Nam ủng hộ việc giải quyết các tranh chấp đó tại địa phương và phù hợp với quan niệm “dân chủ cơ sở” ở Việt Nam. Những tranh chấp này thường không có cơ sở trong pháp luật Việt Nam. Trong khi đó, khiếu nại liên quan đến các quyền lợi bởi bên bị thiệt hại và nếu khiếu nại không thể được giải quyết tại địa phương và có thể được xét xử không chính thức tại tòa, thường là ở cấp huyện và thường có giá trị ràng buộc pháp lý. Các cơ chế giải quyết khiếu nại thường được sử dụng trong trường hợp các vấn đề tái định cư không tự nguyện khi bên bị thiệt hại cho rằng họ không được bồi thường như đề cập trong Biên bản khảo sát đo đạc chi tiết hoặc tương tự. Cơ chế giải quyết khiếu nại cũng được sử dụng khi những người bị ảnh hưởng đã bị từ chối bồi thường, trợ cấp sinh hoạt chuyển tiếp và các biện pháp phục hồi sinh kế.

UBND xã có 15 ngày để trả lời và nếu không thể giải quyết khiếu nại, thì bên bị thiệt hại có thể nộp đơn khiếu nại lên Ủy ban Nhân dân huyện. Cũng như UBND xã, UBND huyện được yêu cầu trả lời trong 15 ngày. Nếu khiếu nại không được giải quyết thì có thể nộp cho Ủy ban nhân dân tỉnh và UBND tỉnh phải trả lời trong vòng 30 ngày. Nếu khiếu nại chưa được giải quyết bởi UBND tỉnh, bên bị thiệt hại có thể gửi khiếu nại lên Tòa án. Yêu cầu phải xử lý trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận khiếu nại. Tùy thuộc vào khối lượng công việc ở tất cả các cấp của GRM, có thể sẽ quá thời gian nhưng nguyên tắc chung là tất cả các khiếu nại phải được giải quyết trong vòng 180 ngày kể từ khi được nộp cho UBND xã. Trong trường hợp các khoản đầu tư của nhà nước được hỗ trợ bởi ODA tài trợ cho nhà đầu tư dù là công hay tư hoặc ở nơi có mối quan hệ đối tác giữa khu vực công và tư đều có nghĩa vụ pháp lý phải trả tất cả các chi phí liên quan đến việc giải quyết khiếu nại.

Trong số các kịch bản được trình bày ở trên, chỉ có *Kịch bản 4* có thể dẫn đến các tiến trình được mô tả ở đây. Bốn kịch bản khác khó khăn hơn nhiều để đưa vào tiến trình GRM thường được sử dụng cho các dự án đầu tư. Mặc dù Chương trình này có tiền đề là cố gắng tránh thanh toán các khoản trợ cấp tiền mặt cho từng hộ gia đình vì các BSP sẽ được lập bởi mỗi cơ quan ACMA sẽ có thể quyết định liệu các khoản thanh toán cá nhân, nhóm hoặc cộng đồng sẽ được thực hiện cho các hoạt động được xác định hoặc kết quả FRGM cũng cần phải làm trước khả năng này. Vì các nghiên cứu tại hiện trường được Chương trình hỗ trợ và kết quả được CPVN duyệt, cần phải hiểu rằng không phải tất cả các bên liên quan ở cấp thôn có thể được hưởng lợi từ việc thanh toán cho các dịch vụ.

Do đó, để phù hợp với liên Chương trình FCPF/ UN-REDD+ chung cho Việt Nam có tính đến tiến trình FRGM trong bối cảnh Việt Nam cần có bốn bước tương đối đơn giản như sau:

1. Nhận và đăng ký Khiếu nại của đại diện làng được bầu từ bên bị thiệt hại đang tìm cách giải quyết khiếu nại liên quan đến các hoạt động của Chương trình. Việc này có thể được thực hiện tại cuộc họp hàng tháng và trong trường hợp khiếu nại bằng văn bản đại diện làng hoặc một thành viên biết chữ trong làng sẽ hỗ trợ bên bị thiệt hại nếu bên kia yêu cầu khiếu nại bằng văn bản. Tuy nhiên, lý tưởng nhất là mọi khiếu nại nên được giải quyết ở cấp thôn nhưng vì những lý do đã nêu ở trên, điều này có thể không thể thực hiện được.
2. Xác nhận, Đánh giá và Chuyển nhượng liên quan đến việc xác nhận đã nhận (trong trường hợp khiếu nại không được giải quyết ở cấp thôn) bởi cơ quan ACMA và đại diện làng có trách nhiệm đảm bảo rằng cơ quan này đã nhận được khiếu nại. Mặc dù được cho là đại diện của cơ quan ACMA từ BQLRPH, BQLRĐD hoặc CTLN nên chủ động và đến thăm mỗi làng ít nhất một lần mỗi tháng, bên bị thiệt hại ở cấp thôn cũng có thể đưa ra khiếu nại trong chuyến thăm này. Khi xác nhận đã nhận được đơn khiếu nại, cơ quan ACMA phải nêu rõ cách xử lý khiếu nại, đánh giá sự đủ điều kiện của bên bị thiệt hại để giải quyết khiếu nại (mặc dù điều này đáng lẽ ra ban đầu được thực hiện bởi đại diện làng) và giao trách nhiệm tổ chức để đưa ra phản hồi. Chẳng hạn, nếu khiếu nại liên quan đến vấn đề giao đất và GCNSĐĐ, cơ quan ACMA phải giao trách nhiệm tổ chức cho chính quyền địa phương. Tương tự, nếu khiếu nại xoay quanh việc chuyển đổi đất thì cơ quan (cụ thể là Sở Tài nguyên và Môi trường phải xem xét khiếu nại vì điều này nằm ngoài phạm vi của cơ quan ACMA³.
3. Đề xuất phản hồi liên quan đến một trong bốn hành động sau: (i) phản hồi hoặc hành động trực tiếp của tổ chức, có thể là UBND xã, UBND huyện hoặc cơ quan ngành dọc như Sở NN&PTNN và Sở TN&MT; (ii) đánh giá và cam kết của các bên liên quan, trong

³ Đây cũng là một lý do quan trọng tại sao Sở TN&MT ở cấp UBND huyện phải có đại diện trong cơ quan đồng quản lý.

đó có liên quan đến việc đánh giá hiệu quả của khiếu nại của bên bị thiệt hại và sau đó tham gia với các bên liên quan; (iii) nếu không thể giải quyết trong BSM hiện tại, chẳng hạn như khi tái định cư không tự nguyện xuất phát từ các dự án cơ sở hạ tầng là nguyên nhân gây ra khiếu nại liên quan đến Chương trình GRM; hoặc (iv) dựa trên các tiêu chí đã thỏa thuận BSM quyết định xem khiếu nại có đủ điều kiện hay không.

4. Đồng ý với phản hồi là đồng ý với bên yêu cầu giải quyết khiếu nại và thực hiện giải pháp được chấp thuận làm cho khiếu nại được giải quyết và đóng lại sau khi thỏa mãn các bên liên quan hoặc khiếu nại không thể giải quyết. Trong trường hợp khiếu nại không giải quyết được, cán bộ giải quyết khiếu nại phải xem xét liệu bên bị thiệt hại có nên thay đổi cách thức để được xem xét lại hay đóng khiếu nại mà không có thêm hành động nào. Khi chọn đóng khiếu nại và không làm gì thêm phải đảm bảo bên bị thiệt hại có thể khiếu nại nếu họ cho rằng cần phải được xem xét lại ở cấp huyện, nơi sẽ đưa ra phán quyết có thể ràng buộc về mặt pháp lý đối với tất cả các bên tranh chấp hoặc khiếu nại.

Cần lưu ý rằng FRGM phải dễ tiếp cận đối với tất cả các bên liên quan bao gồm cả người dân tộc thiểu số lớn tuổi không có khả năng sử dụng tiếng Việt, những người dân làng nghèo không có khả năng chi trả các chi phí liên quan đến việc giải quyết khiếu nại trong đó có kiện tụng ở tòa án, và liên quan đến cá nhân, nhóm hoặc làng. Để đảm bảo rằng đại diện của làng không bị tiến trình ACMA và cơ quan FMC kết nạp gây ra bất lợi của làng mà người đó được bầu để đại diện nếu dân làng cho rằng việc họ đại diện sẽ mang lại hiệu quả không cao thì họ sẽ có quyền thay thế người đại diện này. Cách giải quyết khiếu nại sẽ là phép thử về khả năng đại diện của người này. Tuy nhiên, người đại diện phải có cơ hội để đánh giá xem liệu khiếu nại của người dân có thực sự chính đáng hay không.

6.2 Cơ chế phản hồi, giải quyết khiếu nại của UN-REED

Chương trình UN-REDD đang phát triển FGRM quốc gia với sự hợp tác từ dự án FCPF. Hệ thống được đề xuất vẫn đang được phát triển nhưng dựa trên Luật Hòa giải ở Cơ sở 2013 và giới thiệu Nhóm Hòa giải Cơ sở được Nhóm Hỗ trợ Kỹ thuật (NHTKT) hỗ trợ và hiện Chương trình UN-REDD đang thí điểm NHTKT tại 18 địa bàn trong Chương trình UN-REDD và đang cung cấp các khóa đào tạo về hòa giải và cách hai nhóm nên làm việc cùng nhau diễn ra từ tháng 7 và 8 năm 2016, với đánh giá và báo cáo vào tháng 11 và 12 năm 2016.

Bộ NN & PTNT cần đảm bảo rằng quy trình đề xuất phù hợp với các FGRM hiện đang được sử dụng ở Việt Nam và bao gồm đầy đủ nhu cầu về Hỗ trợ cộng đồng rộng rãi (BCS) của không chỉ người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng mà cả dân tộc Kinh. Có thể lưu ý tại thời điểm này, bất kỳ người bị ảnh hưởng nào cũng có quyền hợp pháp hoàn toàn tự do khiếu nại tại tòa án và có các cơ chế khiếu nại chi tiết có trong một số luật, ví dụ, Luật Đất đai 2013. Cũng có thể lưu ý rằng nếu việc giải quyết khiếu nại cần có tòa án phán quyết của pháp luật thì việc này phải được hoàn thành trong vòng 6 tháng kể từ khi người bị thiệt hại nộp đơn khiếu nại ở cấp hành chính thấp nhất tại Việt Nam (Ủy ban nhân dân xã). Tuy nhiên, lý tưởng nhất là tất cả các khiếu nại nên được giải quyết ở cấp địa phương (và thường được giải quyết ví dụ ở cấp xã và cấp huyện) và hầu hết những người bị thiệt hại mong muốn giải quyết khiếu nại ở cấp địa phương.

Các cộng đồng và cá nhân tin rằng họ bị ảnh hưởng xấu bởi dự án do Ngân hàng Thế giới hỗ trợ có thể gửi khiếu nại đến các cơ chế giải quyết khiếu nại cấp dự án hiện tại hoặc Dịch vụ Giải quyết Khiếu nại của NHTG (GRS). GRS đảm bảo rằng các khiếu nại nhận được sẽ được xem xét kịp thời để giải quyết các mối quan tâm liên quan đến dự án. Các cộng đồng và cá nhân bị ảnh hưởng từ chương trình có thể gửi khiếu nại tới Ban kiểm tra độc lập của NHTG, để xác định xem có gây hại hay không, có thể xảy ra do NHTG không tuân thủ các chính sách và thủ tục. Khiếu nại có thể được gửi bất cứ lúc nào sau khi khiếu nại đã được gửi trực tiếp đến Ngân hàng

Thế giới và Quản lý Ngân hàng đã có cơ hội trả lời. Để biết thông tin về cách gửi khiếu nại đến GRS của Ngân hàng Thế giới, hãy truy cập vào trang web <http://www.worldbank.org/GRS>.

Tranh chấp đất đai

Mức độ chung của tranh chấp đất đai là khá hạn chế. Người sử dụng đất, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến sử dụng đất được quyền khiếu nại, kiện chống lại các quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính trong quản lý đất đai. Các thủ tục, thủ tục giải quyết khiếu nại đối với các quyết định hành chính, hành vi hành chính đối với đất đai được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại. Các thủ tục, thủ tục giải quyết các vụ kiện đối với các quyết định hành chính, hành vi hành chính đối với đất đai được thực hiện theo quy định của pháp luật về kiện tụng hành chính.

Thống kê các tranh chấp đất đai có sẵn ở Việt Nam nhưng những điều này thường không đầy đủ và chỉ ghi lại những tranh chấp nghiêm trọng hơn hoặc kéo dài hơn mà không được giải quyết tại địa phương. Đánh giá các vấn đề đất đai thông qua PRAP và Đánh giá quyền sử dụng đất và tài nguyên đất của NCR đã xác định các nguồn xung đột chính, bao gồm các rủi ro liên quan đến đất đai mà Đề án giải phát thải cần giải quyết. Đánh giá chi tiết hơn sẽ được thực hiện thông qua Đánh giá nhu cầu và báo cáo sàng lọc xã hội của REDD+ sẽ xác định các vấn đề chính ở cấp độ hiện trường.

Cho đến nay, hình thức xung đột liên quan đến đất đai phổ biến nhất ở NCR là các tranh chấp liên quan đến việc tiếp cận đất rừng do các công ty lâm nghiệp nhà nước quản lý. Ở một số khu vực trong NCR, có những tranh chấp lịch sử và đang diễn ra liên quan đến việc tiếp cận lấn chiếm rừng và nông nghiệp hoặc tranh chấp ranh giới đất đai. Như đã lưu ý ở trên, các BQLRPH và CTLN chính thức kiểm soát một nửa diện tích đất rừng ở NCC. Gia tăng dân số nông thôn (báo cáo ở Nghệ An) và sự phụ thuộc của địa phương vào tài nguyên rừng, kết hợp với ranh giới không rõ ràng và tình hình “ra vào tự do” thường khuyến khích lấn chiếm khai thác gỗ quy mô nhỏ, thu thập LSNG hoặc chuyển đổi sang nông nghiệp.

Trong hầu hết các trường hợp, các vấn đề tiếp cận/lấn chiếm thường được giải quyết tại địa phương với sự thỏa hiệp và trong nhiều trường hợp, BQLRĐD đã cắt bỏ các khu vực bị lấn chiếm nhiều trên đất liền vì giá trị đa dạng sinh học và bảo tồn bị xâm phạm. BQLRĐD gặp bất lợi đặc biệt vì Luật bảo vệ và phát triển rừng nghiêm cấm mọi hoạt động thu gom hoặc loại bỏ tài nguyên rừng và RĐD thường bị coi là hàng hóa công. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, BQLRĐD phải chấp nhận điều không thể tránh khỏi là nó không thể dừng toàn bộ hoạt động thu gom LSNG. Do đó, BQL thường sẽ cố gắng đi đến giải pháp thực tế với cộng đồng bằng cách đồng ý rằng sẽ không cắt bỏ⁴ hoặc không có sự xâm lấn nào nữa để đổi lấy thu gom LSNG. BQLRPH và CTLN phải đối mặt với các vấn đề tương tự, nhưng những điều này không được ghi chép rõ ràng và BQLRPH và CTLN có lợi thế trong việc thu gom LSNG không bị cấm.

Cạnh tranh về tài nguyên và xung đột có thể liên quan đến di cư cục bộ do phát triển cơ sở hạ tầng. Trong khi xu hướng chung trong NCR là sự di cư từ nông thôn đến thành thị, trong một số trường hợp, phát triển đường bộ có thể thu hút các khu định cư mới. Mặt khác, sự phát triển của HPP đã dẫn đến sự dịch chuyển của người dân đến các khu vực nơi họ có thể xung đột với cư dân địa phương.

⁴ Các vấn đề phát sinh khi áp lực đất đai liên tục xảy ra, tức là không có đủ đất để sản xuất trồng trọt và có sự gia tăng dân số địa phương; hoặc nơi các ranh giới được khảo sát cho các bản đồ địa chính (hoặc được khảo sát lại với mục đích đưa vào các điểm đánh dấu); có các quy định cho các ranh giới được thỏa thuận bằng cách sử dụng các tiến trình có sự tham gia

Bồi thường không thỏa đáng cho tái định cư hoặc mất rừng là một nguồn tranh chấp tiềm năng khác và cộng đồng có thể bị thiệt thòi đặc biệt khi họ không có quyền chính thức đối với đất của họ. Cơ sở hạ tầng, và đặc biệt là thủy điện, phát triển thường đòi hỏi phải mua lại đất nông nghiệp và rừng và sắp xếp tái định cư cho dân làng. Trong một số trường hợp, những người bị ảnh hưởng thất vọng với các chương trình bồi thường và tái định cư. Nếu đất được sở hữu không hợp pháp, người dân địa phương khó có thể nhận được bồi thường thỏa đáng. Chẳng hạn, một ngôi làng ở huyện Phong Điền đã được nhà nước thu hồi và cấp cho một công ty khai thác cát. Khoản bồi thường cho việc mất cây keo do dân làng trồng ước tính ít hơn 40% mức bồi thường đầy đủ mà dân làng sẽ nhận được nếu họ có quyền hợp pháp đối với rừng.⁵

Các hoạt động thực thi pháp luật và hạn chế sử dụng tài nguyên rừng có thể tác động tiêu cực đến các cộng đồng, đặc biệt là các hộ nghèo và phụ thuộc vào rừng. Tài nguyên rừng, như gỗ, LSNG và động vật hoang dã là một nguồn tiêu thụ quan trọng đối với những người phụ thuộc vào rừng cao. Đó cũng là một nguồn tiền mặt quan trọng, nơi cơ hội thu nhập thay thế bị hạn chế. Vì lý do này, các phương pháp chia sẻ lợi ích, phát triển sinh kế thay thế, PFES và các phương pháp có sự tham gia rất quan trọng trong việc giải quyết các rủi ro cho cộng đồng địa phương và giúp giảm thiểu các vấn đề họ gặp phải.

Trong trường hợp các cơ quan quản lý rừng hiện tại không đủ điều kiện tham gia Đề án giảm phát thải vì tranh chấp đất đai, họ sẽ có cơ hội tham gia sau đó nếu hoàn thành SERNA, họ có thể đạt được thỏa thuận với cộng đồng địa phương như thế nào tốt nhất để thiết lập một FMC. Tuy nhiên, ER-P cũng dựa trên tiền đề rằng trong quá trình SERNA và áp dụng dụng các quy trình ACMA mà đây không phải là một vấn đề khó giải quyết. Chìa khóa cho kết quả ER-P thành công là một phản ứng linh hoạt với các vấn đề cụ thể của địa phương.

Dưới đây là các bước cần tuân thủ khi phát triển FMC dựa trên các nguyên tắc của ACMA và kết hợp các thỏa thuận mà sẽ cần phải thực hiện do SERNA:

7 Hạn chế sử dụng tài nguyên

Bước 1: Áp dụng cho Chương trình giảm phát thải

1.1. SERNA tạo thành cơ sở áp dụng cho ER-P phải đáp ứng các tiêu chí xã hội của dự án. Những tiêu chí đó là:

- a) Thông tin trong SERNA về việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiện tại trong các BQLRPH, RĐD, và CTLN sẽ được lấy từ tham khảo ý kiến với các cộng đồng địa phương có cuộc sống bị ảnh hưởng bởi các BQLRPH, RĐD, và CTLN này⁽⁶⁾;
- b) SERNA đã được xem xét và sửa đổi với đầu trực tiếp vào từ các cộng đồng địa phương này và đại diện của họ; và
- c) Đối với các hoạt động hạn chế quyền truy cập của cộng đồng địa phương vào các tài nguyên là một phần không thể thiếu đối với các hoạt động văn hóa của họ hoặc họ dựa vào để sinh hoạt, các BQLRPH, RĐD, và CTLN thông qua các FMC được thiết kế để kết

⁵ Tuy nhiên, cần lưu ý trong các dự án cơ sở hạ tầng được tài trợ một phần hoặc toàn bộ bởi các nhà cung cấp bao gồm cả NHTG (ví dụ: HPP Trung Sơn ở Thanh Hóa) các tác động tái định cư không tự nguyện được bồi thường dựa trên chính sách của nhà cung cấp ODA.

⁶ Điều này bao gồm những người tiếp tục sống trong khu vực cốt lõi (nếu có) và những người sống ở tất cả các xã có BQLRPH, RĐD, và CTLN (vùng đệm).

quả của SERNA đạt được bất kỳ thỏa thuận cần thiết nào nhưng là một phần của thỏa thuận hợp tác này về quyền truy cập hạn chế vào tài nguyên thiên nhiên, những AH sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực bởi những hạn chế này có quyền được bồi thường cho những tác động đó.

BSP bao gồm thỏa thuận sử dụng tài nguyên thiên nhiên đã được phát triển trước khi đăng ký tài trợ thông qua ER-P hoặc có thể là một phần của các hoạt động của chương trình nếu Đánh giá nhu cầu của REDD+ xác định đó là nhu cầu ưu tiên.

Báo cáo sàng lọc xã hội được hoàn thành và đệ trình với đề xuất tài trợ của BQLRPH, RĐD, hoặc CTLN. Một định dạng tiêu chuẩn được cung cấp trong Phụ lục 1. Chủ tịch của tất cả các Ủy ban nhân dân liên quan đến xã được yêu cầu xác nhận thông tin xã hội của đánh giá.

- 1.2. Nhu cầu hạn chế sử dụng tài nguyên địa phương sẽ được FMC xác định và xác định chính xác nhất có thể. Chúng sẽ chỉ xác định dựa trên những loại hạn chế được xác định trong SERNA ban đầu hoặc các bản cập nhật tiếp theo được ER-P phê duyệt. SERNA cung cấp đánh giá kỹ thuật cho từng hạn chế được đề xuất này với mức độ chi tiết hợp lý.
- 1.3. Các nhà quản lý rừng BQLRPH, RĐD, và CTLN đặc biệt là vì họ sẽ phối hợp với dân làng địa phương và các bên liên quan khác bị ảnh hưởng bởi ER-PP sẽ đặc biệt chú ý đến các vấn đề chiếm hữu đất đai, bao gồm quyền và nghĩa vụ đất đai truyền thống và sử dụng tài nguyên thiên nhiên của dân tộc thiểu số. Cụ thể, việc thu hoạch và chuyển đổi LSNG, theo đó đất được phân loại chính thức là đất lâm nghiệp và đất chưa sử dụng, thực tế, có thể bị bỏ hoang theo hệ thống canh tác truyền thống của các hộ nông dân, sẽ không bị cấm trừ khi điều này là cần thiết cho việc bảo tồn đa dạng sinh học quan trọng. Nếu họ bị hạn chế, những người không được hưởng lợi từ những hạn chế đó có quyền được bồi thường vì truy cập hạn chế. Tương tự như vậy, truy cập vào các địa điểm linh thiêng (bao gồm rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng thiêng và rừng chôn cất), nếu có, sẽ không bị hạn chế trong mọi trường hợp.

Bước 2: Ra mắt các hoạt động có sự tham gia

- 2.1. Khi BSM hoặc một hình thức thỏa thuận sử dụng tài nguyên thiên nhiên đã tồn tại, các hoạt động có sự tham gia được thực hiện để giám sát thỏa thuận này. Khi chưa có Thỏa thuận sử dụng tài nguyên thiên nhiên như vậy, các cuộc tham vấn và đàm phán được thực hiện để đạt được thỏa thuận đó. Các hoạt động này phải bắt đầu không muộn hơn 6 tháng sau khi tuyên bố áp dụng ER-P thành công.
- 2.2. Cho dù BSM hoặc một hình thức thỏa thuận sử dụng tài nguyên thiên nhiên đã tồn tại hay chưa, phải tiến hành khảo sát để xác định những người cư trú trong các lĩnh vực quản lý được cải thiện và những người bị ảnh hưởng bởi họ. Phải hoàn thành khảo sát này không muộn hơn 12 tháng sau khi tuyên bố áp dụng. Mục tiêu của hoạt động này là xác định các tác động khác biệt của các hạn chế đối với người dân địa phương và có thể giám sát việc thực hiện nó.

Bước 3a: Thực hiện chung

Trong trường hợp các hạn chế truy cập sử dụng tài nguyên thiên nhiên đã hoặc sẽ được lên kế hoạch bởi FMC có liên quan, các quy định sau sẽ được áp dụng:

- 3.1 Các hoạt động yêu cầu quyền truy cập hạn chế vào tài nguyên thiên nhiên được giải quyết trong Phần 3 của Khung chính sách tái định cư.
- 3.2 Các khiếu nại liên quan đến những hạn chế này sẽ dẫn đến tái định cư không tự nguyện được giải quyết căn cứ mục 5.3 của Khung Chính sách Tái định cư.

Bước 3b: Thực hiện tại các cộng đồng dân tộc thiểu số

Trong trường hợp người dân tộc thiểu số là người sử dụng tài nguyên thiên nhiên, chiếm đa số người sử dụng rừng trong ER-P, các quy định bổ sung sẽ được áp dụng:

- 3.5 Các đại diện được chọn của các nhóm dân tộc và cộng đồng bị ảnh hưởng sẽ tham gia với tư cách là thành viên bổ phiếu của các FMC được thành lập và có quyền quyết định xem các hoạt động có thể dẫn đến tái định cư không tự nguyện có nên được hỗ trợ hay không và vì họ cũng được yêu cầu phản ánh sự đồng thuận đạt được bởi các bên liên quan ở cấp thôn, những người mà họ đại diện
- 3.6 Khảo sát cơ sở xác định với sự quan tâm đến dân tộc, số lượng dân số và vị trí của tất cả các cộng đồng dân tộc trong và xung quanh khu rừng đặc dụng. Việc sử dụng đất bên trong BQLRPH, RĐD hay CTLN cũng cần được mô tả quyền thông thường, địa điểm linh thiêng và các khu vực cụ thể để khai thác lâm sản ngoài gỗ.
- 3.8 Yêu cầu cải tiến các sáng kiến quản lý của BQLRPH, RĐD hay CTLN không tạo ra rủi ro giảm an ninh lương thực giữa các cộng đồng bản địa.
- 3.9 Các hoạt động thông tin và đào tạo cũng như các hoạt động tham vấn và tham gia được thực hiện bằng cách sử dụng các hướng dẫn truyền thông được đề xuất trong phần 4 của Khung chính sách dân tộc thiểu số
- 3.10 Trong các khu vực có cả cộng đồng gốc và người di cư gần đây, các hoạt động có sự tham gia nhằm đảm bảo rằng cộng đồng gốc sẽ đạt được ít nhất mức độ tham gia như người di cư.

Bước 4: Theo dõi và phổ biến các bài học kinh nghiệm

- 3.12 Việc giám sát được thực hiện bởi Cán bộ Bảo đảm an toàn xã hội của Chương trình theo Mục 5.4 của Khung chính sách tái định cư.
- 3.13 Bài học kinh nghiệm sẽ được phổ biến đến các FMC khác quyết định các FMC khác tham gia ER-P vào một ngày sau đó, được cho phép theo thiết kế chung của ER-P tìm cách đưa tất cả các FME hiện có vào Khu vực thực hiện ER-P của sáu tỉnh.

7.1 Tái định cư tiềm năng

Chính quyền địa phương trong các khu rừng đặc dụng của Việt Nam thường nỗ lực để tránh tái định cư bất cứ khi nào có thể, và người dân địa phương được phép ở lại trong các khu vực được bảo vệ trừ khi chính họ quyết định rời đi. ER-P không tài trợ cho hoạt động tái định cư. Tuy nhiên, trong trường hợp các BQLRPH, RĐD hay CTLN đã lên kế hoạch tái định cư cho người dân sống trong rừng dưới sự quản lý của họ, dựa trên sự biện minh bảo tồn và điều này được duyệt bởi FMC mới thành lập, Khung Chính sách Tái định cư này sẽ được áp dụng trong trường hợp BQLRPH, RĐD hay CTLN nhận được tài trợ từ ER-P. Điều này sẽ yêu cầu các bước sau:

Bước 1: Áp dụng cho Chương trình giảm phát thải

- 1.1 Kế hoạch tái định cư tiềm năng được đề cập trong Báo cáo sàng lọc xã hội nếu chúng được thực hiện trước khi nộp đơn.

Bước 2: Ra mắt các hoạt động có sự tham gia

- 1.2 Khảo sát cơ sở xác định các khu vực cư trú với đầy đủ thông tin chi tiết. Lập bản đồ phân hoạch các khu vực cư trú.

Bước 3a: Thực hiện chung

- 3.1. Đề án giảm phát thải không tài trợ cho các hoạt động trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến tái định cư.
- 3.2. Các kế hoạch tái định cư được FMC nộp cho Ban thư ký ER-P và BQLCTT nếu chúng được thực hiện sau khi nộp đơn.
- 3.3. Việc tái định cư diễn ra trong suốt thời gian của chương trình được ghi lại và báo cáo cho ban thư ký ER-P. Các báo cáo đề cập đến vị trí của các khu định cư hiện tại, đề xuất địa điểm tái định cư, số hộ gia đình và người dân bị ảnh hưởng bởi sắc tộc và lý do tái định cư.
- 3.4. Các cá nhân hoặc cộng đồng được tái định cư có quyền được bồi thường theo Mục 3 của Khung chính sách tái định cư (ngoài khoản bồi thường cho việc tái định cư được cung cấp thông qua khung pháp lý Việt Nam). Họ có thể gửi khiếu nại căn cứ theo Mục 5.3 của khung đó.
- 3.5. Tái định cư đề xuất phải được phê duyệt và giám sát bởi giám sát nội bộ của NHTG và Đề án giảm phát thải.

Bước 3b: Thực hiện tại các cộng đồng dân tộc thiểu số

- 3.6. Đại diện của các nhóm dân tộc và cộng đồng có liên quan tham gia vào việc chuẩn bị tái định cư.
- 3.7. An ninh lương thực trong khu định cư mới được đảm bảo ở mức tối thiểu căn theo mức độ ở khu định cư trước đó.
- 3.8. Thông tin được cung cấp bằng cách sử dụng các hướng dẫn truyền thông được đề xuất trong phần 4 của Khung chính sách dân tộc thiểu số.
- 3.9. Tái định cư được xử lý trên cơ sở từng trường hợp. Các giải pháp phù hợp được thực hiện cho các cộng đồng bản địa và cho những người di cư gần đây có nguồn gốc dân tộc thiểu số.

Giám sát và Đánh giá (GS & ĐG) sẽ là trách nhiệm chung của MBFP. Một cán bộ GS & ĐG sẽ điều phối việc phát triển và triển khai hệ thống GS & ĐG và nhân viên dự án, các đối tác triển khai và nhà thầu sẽ đóng một vai trò quan trọng trong các hoạt động GS & ĐG. Đơn vị GS & ĐG độc lập sẽ được ký hợp đồng để đảm bảo tính minh bạch và mạnh mẽ trong tất cả các hoạt động GS & ĐG. Do việc triển khai dự án có thể dẫn đến thay đổi khả năng tiếp cận tài nguyên rừng ở các khu vực do các hoạt động bảo vệ, xây dựng năng lực cho các hoạt động giám sát được cải thiện là rất cần thiết. Giám sát nên có sự tham gia và bao gồm giám sát các tác động có lợi và bất lợi đối với những người trong khu vực tác động của dự án.

Khung tiến trình yêu cầu phải phát triển các chỉ số hiệu suất cho các hoạt động liên quan. Các chỉ số có thể được nhóm lại thành các chỉ số: (i) sẽ chứng minh liệu Khung tiến trình có đáp ứng yêu cầu về hiệu suất hay không; và (ii) thể hiện tình trạng sinh kế trong cộng đồng (thông qua các chỉ số cấp hộ gia đình). Các nhóm chỉ số sau đây được đề xuất làm cơ sở để đo lường sự thành công và điểm yếu của các hoạt động liên quan đến các nhóm bị ảnh hưởng.

Các chỉ số khung tiến trình để đo lường hiệu quả của khung tiến trình bao gồm:

- Số lượng người tham gia vào quá trình tham vấn
- Số lượng và loại nhóm dễ bị tổn thương tham gia vào quá trình tham vấn
- Số lượng cộng đồng bị ảnh hưởng được đưa vào so với tổng số cộng đồng bị ảnh hưởng
- Số lượng khiếu nại hoặc xung đột được ghi lại
- Số lượng các hoạt động khắc phục liên quan đến các khiếu nại được ghi lại
- Thời gian để giải quyết khiếu nại
- Số lượng cá nhân có nhận thức tích cực về mức độ trao quyền trong quản lý tài nguyên thiên nhiên
- Số lượng cá nhân có nhận thức tích cực về mức độ trao quyền trong quản lý tài nguyên thiên nhiên, phân chia theo nhóm dễ bị tổn thương và nhóm người sử dụng

Các chỉ số sinh kế cộng đồng để đo lường tình trạng của các hộ gia đình và thay đổi sử dụng tài nguyên rừng và hạn chế truy cập:

- Thay đổi loại sử dụng tài nguyên thiên nhiên và các hoạt động thay thế
- Thay đổi hoạt động sinh kế của các hộ gia đình, theo loại hình hoạt động và số lượng
- Thay đổi trong hoạt động sinh kế của các hộ gia đình, theo loại hoạt động và số lượng, được phân chia theo nhóm dễ bị tổn thương và tiểu nhóm người dùng

Tất cả các hoạt động được xác định trong khung tiến trình này sẽ được công bố cho tất cả các bên liên quan biết về các quy trình cần thiết để đảm bảo họ được hưởng lợi từ Đề án giảm phát

thải và nếu họ không có lợi hoặc có lợi ít hơn các bên liên quan khác thì họ biết về tất cả các khả năng có thể các biện pháp giảm thiểu bao gồm các quy định về bộ chính sách bảo vệ của NHTG.